

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1 \_ NĂM HỌC 2024 – 2025  
Môn: Địa Lý – Khối 10  
Thời gian làm bài: 45 phút

| MỨC ĐỘ/Dạng câu hỏi                                                                            | NỘI DUNG                                                                                                              | Số câu | Điểm/câu | Tổng điểm  | Tỉ lệ      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|------------|------------|
| <b>Nhận biết</b><br><i>8 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn</i><br><i>1 câu tự luận</i>                | <u>Chủ đề. THỦY QUYỀN</u><br>- Thủy quyền, nước trên lục địa.<br>- Nước biển và đại dương.                            | 8      | 0.25     | <b>4.0</b> | <b>40%</b> |
|                                                                                                | <u>Chủ đề. SINH QUYỀN</u><br>- Đất.<br>- Sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật. | 1      | 2.0      |            |            |
| <b>Thông hiểu</b><br><i>4 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn</i><br><i>2 câu hỏi lựa chọn đúng/sai</i> | <u>Chủ đề. THỦY QUYỀN</u><br>- Thủy quyền, nước trên lục địa.<br>- Nước biển và đại dương.                            | 4      | 0.25     | <b>3.0</b> | <b>30%</b> |
|                                                                                                | <u>Chủ đề. SINH QUYỀN</u><br>- Đất.<br>- Sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật. | 2      | 2.0      |            |            |
| <b>Vận dụng</b><br><i>Vẽ biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa</i>                                       | Vẽ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa                                                                                      | 1      | 2.0      | <b>2.0</b> | <b>20%</b> |
| <b>Vận dụng cao</b>                                                                            | Kỹ năng tính toán, xử lí số liệu<br>- Tính nhiệt độ trung bình.                                                       | 1      | 1.0      | <b>1.0</b> | <b>10%</b> |

|                                                    |                                                                                                               |        |  |           |             |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--|-----------|-------------|
| <i>4 câu dạng trả lời ngắn (kỹ năng tính toán)</i> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tính biên độ nhiệt.</li><li>- Tính nhiệt độ/độ cao vùng núi</li></ul> |        |  |           |             |
| <b>Tổng</b>                                        |                                                                                                               | 17 câu |  | <b>10</b> | <b>100%</b> |